

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01- 03-2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

### TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Ngọc Thành

2. Bà Bùi Thị Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Quang Hưng- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 308/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/ ngày 01/2/2024, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 05/2024/TB-TA ngày 23/2/2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1982; xin vắng mặt

**- Bị đơn:** Anh Vũ Thế T, sinh năm 1981; vắng mặt

Đều có địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

**- Người làm chứng:** Ông Vũ Thế H, sinh năm 1955 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1960; Đều có địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Đều vắng mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày: Chị và anh Vũ Thế T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày 02/2/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói

chung, anh T không chăm lo cuộc sống gia đình. Chị đã tìm mọi cách để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành, mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Chị từng làm đơn xin ly hôn một lần, sau đó chị đã rút đơn để cho anh T một cơ hội thay đổi nhưng không có kết quả, vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, không thể tìm biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Vũ Thị L1, sinh ngày 25/11/2003, Vũ Khánh L2, sinh ngày 06/6/2007 và Vũ Hải M, sinh ngày 04/3/2011. Cháu L1 đã trưởng thành, chị không đề nghị giải quyết. Khi ly hôn, chị xin nuôi cháu L2 và cháu M, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện chị làm nghề tự do, mức thu nhập hàng tháng ổn định, đủ điều kiện nuôi các con.

Về tài sản chung: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị xác định chị và anh T không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng anh T không đến Tòa án làm việc. Ông H, bà L (mẹ đẻ anh T) có lời khai trình bày anh T vẫn thường xuyên về nhà ở T, đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh bận đi làm, mặt khác anh muốn vợ chồng về đoàn tụ, không mong muốn ly hôn nên anh không đến Tòa án làm việc. Nếu chị V kiên quyết xin ly hôn anh có quan điểm đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Anh xác định có 03 con chung như chị V khai. Khi ly hôn, cháu L1 đã trưởng thành nên anh không đề nghị giải quyết. Đối với cháu L2, cháu M xin ở với chị V, anh nhất trí. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị không hòa hợp với nhau trong cuộc sống, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Nay chị V xin ly hôn anh T, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 39 BLDS; Điều 51, 55, 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 227, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị V và anh Vũ Thế T ly hôn. Về con chung: Giao cháu Vũ Khánh L2, sinh ngày 06/6/2007 và Vũ Hải M, sinh ngày 04/3/2011 cho chị V nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh T có quyền thăm nom con không bị cản trở. Về án phí: Chị V phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không đề nghị hòa giải, xin vắng mặt tại phiên họp hòa giải và xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, hợp pháp nhiều lần. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị V, anh T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị V, ý kiến của anh T (thông qua gia đình), các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Sau ngày cưới, chị V anh T sống hạnh phúc khoảng 08 năm thì đã nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không có sự quan tâm chăm lo cho cuộc sống gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án, gia đình anh T đã thông báo cho anh T biết, nhưng anh T không tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ anh T không tha thiết, mong muốn tìm kiếm biện pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân, còn chị V kiên quyết xin ly hôn. Mặt khác, chị V từng làm đơn xin ly hôn một lần sau đó rút đơn về để vợ chồng tìm biện pháp khắc phục tình trạng hôn nhân nhưng đến nay không có kết quả. Do vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị V, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, xử cho chị V, anh T ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng chị V, anh T có 03 con chung là Vũ Thị L1, sinh ngày 25/11/2003, Vũ Khánh L2, sinh ngày 06/6/2007 và Vũ Hải M, sinh ngày 04/3/2011. Cháu L1 đã trưởng thành, chị V anh T đều không đề nghị giải quyết. Khi ly hôn, chị V xin nuôi cháu L2 và cháu M. Thông qua gia đình, anh T thể hiện quan điểm nhất trí chị V nuôi các con. Cháu L2 và cháu M đều có nguyện vọng xin ở với mẹ. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các con, cần giao con Vũ Khánh L2, sinh ngày 06/6/2007 và Vũ Hải M, sinh ngày 04/3/2011

cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị V

[4]. Về tài sản, công sức, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị V, anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị V ly hôn anh Vũ Thế T.

2. Về quan hệ con chung: Giao các con chung Vũ Khánh L2, sinh ngày 06/6/2007 và Vũ Hải M, sinh ngày 04/3/2011 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 03/2024 đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị V.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000992 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị V đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hằng**